

# GLUCOSAMIN

ĐỂ THUỐC XA TẮM TAY TRẺ EM.  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG  
THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SỸ HOẶC DƯỢC SỸ  
NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.  
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ

## THÀNH PHẦN CÔNG THỨC

Thành phần dược chất: Glucosamin hydroclorid..... 1 viên  
500 mg  
(tương đương glucosamin base..... 415 mg)

Thành phần tá dược gồm: Dicalci phosphat anhydrous, tinh bột ngô, crospovidon, povidon K30, magnesi stearat, colloidal silicon dioxid, easpray film, hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) 2910, polyethylen glycol (PEG) 6000, talc, titan dioxyd, màu sunset yellow..... vừa đủ ..... 1 viên nén bao phim

**DẠNG BÀO CHẾ:** viên nén bao phim.

**MÔ TẢ SẢN PHẨM:** Viên nén hình oval bao phim màu cam, hai mặt trơn, cạnh và thành viên lành lặn.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim,  
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

## CHỈ ĐỊNH:

Giảm triệu chứng của thoái hóa khớp gối nhẹ và trung bình.

## CÁCH DÙNG VÀ LIỀU LƯỢNG:

- Cách dùng: dùng đường uống.

- Liều lượng:

Dùng cho người trên 18 tuổi: Uống từ 1250mg đến 1500mg glucosamin/ngày (các dạng muối của glucosamin được quy đổi tương ứng với glucosamin), chia 3 lần. Có thể dùng đơn độc glucosamin sulfat hoặc phối hợp với thuốc khác như chondroitin 1200mg/ngày. Thời gian dùng thuốc tùy theo cá thể, ít nhất dùng liên tục trong 2 đến 3 tháng để đảm bảo hiệu quả điều trị.

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với glucosamin và bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, trẻ vị thành niên dưới 18 tuổi do chưa có số liệu về độ an toàn và hiệu quả điều trị.

## CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Sử dụng thận trọng trên những người mắc bệnh tiểu đường hoặc giảm glucose huyết.

Thận trọng khi dùng trên những bệnh nhân bị rối loạn chảy máu hoặc đang dùng các thuốc làm tăng nguy cơ chảy máu. Trong trường hợp này có thể điều chỉnh liều nếu cần thiết.

Những bệnh nhân có nguy cơ tim mạch hay tăng lipid máu nên thận trọng khi dùng glucosamin vì có thể gây tăng cholesterol máu.

Thận trọng với bệnh nhân hen do các triệu chứng hen có nguy cơ trầm trọng hơn sau khi điều trị với glucosamin.

Thuốc có chứa tá dược màu sunset yellow nên có thể gây phản ứng dị ứng.

## SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ:

- Thời kỳ mang thai: Không có dữ liệu đầy đủ từ việc sử dụng glucosamin ở phụ nữ mang thai. Nghiên cứu ở động vật không cung cấp đủ dữ liệu. Glucosamin do đó không nên được sử dụng trong khi mang thai.

Thời kỳ cho con bú: Không có dữ liệu có sẵn trên sự bài tiết của glucosamin trong sữa mẹ. Việc sử dụng glucosamin khi cho con bú không được khuyến khích vì thiếu số liệu về sự an toàn của trẻ sơ sinh.

## ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Do tác dụng không mong muốn chóng mặt, nhức đầu. Người bệnh cần thận trọng khi tham gia các hoạt động đòi hỏi sự tỉnh táo như lái xe hoặc vận hành máy móc.

## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thường gặp: ADR < 1/100

Thần kinh: nhức đầu, mệt mỏi

Tiêu hóa: buồn nôn, đau bụng, khó tiêu, tiêu chảy, táo bón.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Da: phát ban, ngứa.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Thần kinh: chóng mặt

Tiêu hóa: nôn

Gan mật: vàng da, men gan cao

Da và mô dưới da: phù mạch, nổi mề đay

Hô hấp: hen suyễn

Chuyển hóa: tăng cholesterol máu, không tăng glucose máu.

Toàn thân: phù.

## TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Glucosamin có thể làm giảm tác dụng của insulin hay các thuốc kiểm soát nồng độ đường trong máu khác.

Dùng chung glucosamin với các thuốc lợi tiểu như furosemid có thể làm tăng tác dụng phụ của glucosamin.

Glucosamin có thể làm tăng nguy cơ chảy máu khi sử dụng chung với các thuốc gây tăng nguy cơ chảy máu, thuốc chống đông, thuốc chống kết tập tiểu cầu và các thuốc kháng viêm không steroid.

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

## QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

- Triệu chứng: nhức đầu, chóng mặt, mất phương hướng, đau khớp, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy hoặc táo bón.

- Xử trí: trong trường hợp quá liều, nên ngưng sử dụng glucosamin, bệnh nhân nên được theo dõi và điều trị triệu chứng.

## THÔNG TIN VỀ DƯỢC LÝ, LÂM SÀNG:

### 1. Đặc tính dược lực học:

Mã ATC: M01AX05

Kích thích sự chuyển hoá đồng hoá của các mô thuộc xương sụn thông qua kích thích sinh tổng hợp mucopolysaccharide (là thành phần thiết yếu của các chất quanh sụn) và các mô giữa của xương, qua đó ngăn ngừa tiến trình thoái hoá sụn.

Glucosamin cung cấp hoạt tính làm trơn nên có tác động cải thiện độ nhớt của hoạt dịch.

### 2. Đặc tính dược động học:

Hấp thu: bằng đường uống, sinh khả dụng 26%

Phân bố: glucosamin khuếch tán nhanh chóng vào mô và kết hợp với protein huyết thanh. Thể tích phân bố Vd= 5l.

Chuyển hóa: Glucosamin hydroclorid bị dehydroclorid, được chuyển hoá thành các phân tử nhỏ hơn (chủ yếu ở gan) và sau cùng thành khí carbonic, nước và urê.

Thải trừ: Glucosamin hydroclorid được đào thải chủ yếu qua thận, một lượng nhỏ được thải trừ qua mật và đường hô hấp.

## BẢO QUẢN - HẠN DÙNG:

Bảo quản: Dưới 30°C. Nơi khô ráo, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: TCCS.



Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

Đường 2/4, Khóm Đồng Bắc, P. Vĩnh Hòa,

Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

WHO - GMP